

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phụng.

2. Bà Nguyễn Ngọc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1985; Có mặt

Hộ khẩu thường trú: Thôn Ea K, xã Ea N, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ hiện nay: Nhà trọ Quang M, số A, Quốc lộ B, ấp C, xã Tân T, thành phố Đồng X, tỉnh Bình Phước.

2. **Bị đơn:** Ông Tạ Danh C, sinh năm 1981; Có mặt

Hộ khẩu thường trú: Xóm D, xã Diên C1, huyện Diên C2, tỉnh Nghệ An; địa chỉ hiện nay: Nhà trọ Thùy L, E, khu phố F, phường Chánh M, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị B là nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị B và ông Tạ Danh C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea N, huyện Ea

H, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không tôn trọng nhau và mâu thuẫn về kinh tế. Ông C thường xuyên chửi mắng bà B và dùng những lời lẽ không hay xúc phạm đến gia đình của bà, thậm chí là xảy ra đánh nhau. Vì thương và lo cho tương lai của con chung, cả hai đã cố gắng hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hôn nhân không hạnh phúc. Do nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nên khoảng tháng 11/2021, bà B và ông C đã sống ly thân. Bà B đưa con đến sinh sống tại địa chỉ số A, Quốc lộ B, ấp C, xã Tân T, thành phố Đồng X, tỉnh Bình Phước; còn ông C vẫn sinh sống tại địa chỉ số E, khu phố F, phường Chánh M, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nay bà B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể nào tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tạ Danh C.

Về con chung, bà B và ông C có 01 con chung tên Tạ Minh T, sinh ngày 05/3/2020. Hiện cháu T đang sống với bà B. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tạ Minh T, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Công việc của bà B là Nhân viên văn phòng tại Công Ty TNHH Sản xuất giấy dép Grand Gain, thu nhập bình quân hàng tháng là 8.550.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết, ông Tạ Danh C là bị đơn trình bày: Ông C thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị B về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và về con chung. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó, giữa ông C và bà B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về tính tình, cách sống và mâu thuẫn về kinh tế. Trong khoảng thời gian sống ly thân, ông C đã nhiều lần liên hệ bà B với mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung nhưng không được. Về phía ông C xác định ông không muốn ly hôn, vì ông luôn mong muốn con cái có đầy đủ cả cha và mẹ. Nhưng nay bà B đã cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông C thống nhất ly hôn để mỗi người bắt đầu lại cuộc sống riêng của mình.

Về con chung, ông C không đồng ý để bà B nuôi dưỡng cháu Tạ Minh T, sinh ngày 05/3/2020. Ông C yêu cầu sau khi ly hôn ông được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Công việc của ông C là xây dựng công trình, thu nhập không ổn định, nếu tháng có việc thì thu nhập khoảng 12.000.000đồng đến 13.000.000đồng, còn khi công việc ít thì thu nhập khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông C đã thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Tạ Danh C.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Tạ Minh T, sinh ngày 05/3/2020 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Tạ Danh C tự nguyện kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea N, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 31/8/2019 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà B và ông C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà B và có những lời lẽ xúc phạm đến gia đình của bà. Ông C cũng không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, bà B phải tự quán xuyến kinh tế, nuôi dạy con chung. Do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên từ tháng 11/2021, bà B và ông C đã sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Về phía bị đơn ông C xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân xuất phát từ nguyên đơn. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn thống nhất ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà B và ông C đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà B và ông C vẫn giữ ý kiến thống nhất ly hôn. Do hai bên đã thật sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà B và ông C có 01 con chung là cháu Tạ Minh T, sinh ngày 05/3/2020. Bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tạ Minh T. Tuy nhiên, ông C cho rằng bà B chăm sóc con chung không tốt nên không đồng ý để bà B tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, mà yêu cầu

giao cháu T cho ông C nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay, cháu T đang sống ổn định với bà B từ khi bà B và ông C không còn sống chung với nhau. Bà B có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, cháu T còn nhỏ (hơn 3 tuổi) nên cần có sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của người mẹ. Do vậy, việc giao cháu Tạ Minh T, sinh ngày 05/3/2020 cho bà Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và bị đơn ông Tạ Danh C về việc Ly hôn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Tạ Danh C thuận tình ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với bị đơn ông Tạ Danh C về việc tranh chấp nuôi con.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Tạ Minh T, sinh ngày 05/3/2020 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Do bà B không yêu cầu nên không đặt ra

xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Tạ Danh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Tạ Danh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Tạ Danh C.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2021 - 0003109 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND xã Ea N, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung